

CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG NÂNG CAO NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG QUỐC DÀNH CHO CÁN BỘ HẢI QUAN (NÂNG CAO)

I. GIỚI THIỆU CHUNG

Để đáp ứng yêu cầu của xu thế phát triển và hội nhập trong thời kì đổi mới, một trong những yêu cầu quan trọng đối với cán bộ viên chức trong thời đại hiện nay là phải đảm bảo năng lực ngoại ngữ đáp ứng nhu cầu công tác. Do vị trí địa lý tiếp giáp với các tỉnh biên giới Trung Quốc, cán bộ Hải quan tại các tỉnh biên giới phía Bắc là một trong những người đầu tiên tiếp xúc, xử lý các công việc liên quan đến việc đi lại, giao thương của người dân hai nước Việt Trung. Bên cạnh đó, cơ quan Hải quan của Việt Nam cũng thường xuyên tiếp xúc, đàm phán với các đơn vị tương ứng của Trung Quốc. Chính vì vậy, việc phổ cập tiếng Trung Quốc cho cán bộ Hải quan ở một trình độ nhất định là hết sức cần thiết và cấp bách.

Với một đội ngũ cán bộ đông đảo, trên thực tế, tại các đơn vị thuộc Cục/Chi cục Hải Quan đều đã có một số cán bộ có năng lực tiếng Trung Quốc ở trình độ cao, đáp ứng được nhu cầu phiên biên dịch trong các cuộc giao lưu đàm phán cao cấp. Tuy nhiên, số cán bộ chưa được học tập tiếng Trung Quốc một cách bài bản, với nội dung học tập phù hợp với nhu cầu công việc thực tế hàng ngày còn khá lớn. **CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG NÂNG CAO NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG QUỐC DÀNH CHO CÁN BỘ HẢI QUAN (NÂNG CAO)** (sau gọi tắt là **CHƯƠNG TRÌNH**) được xây dựng nhằm đáp ứng nhu cầu trên.

CHƯƠNG TRÌNH là một trong những nội dung thuộc hợp phần nhánh của đề tài cấp Nhà nước *Nghiên cứu xây dựng mô hình nâng cao năng lực ngoại ngữ cho cán bộ, công chức, viên chức các ngành Hải quan, Ngoại vụ, Du lịch và Biên phòng để thực thi công vụ và dịch vụ trong xu thế hội nhập quốc tế ở vùng Tây Bắc* (sau gọi tắt là Đề tài) do Trường Đại học Ngoại ngữ – Đại học Quốc gia Hà Nội chủ trì thực hiện, nhằm phục vụ mục tiêu phát triển bền vững khu vực Tây Bắc. Vì vậy, mục tiêu và nội dung của **CHƯƠNG TRÌNH** cũng hướng tới việc hoàn thành các nhiệm vụ nghiên cứu và mục tiêu chung của Đề tài.

CHƯƠNG TRÌNH có sự liên thông với **CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG NÂNG CAO NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG QUỐC DÀNH CHO CÁN BỘ HẢI QUAN (CƠ BẢN)** và có sự tương quan nhất định với **CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG NÂNG CAO NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG QUỐC DÀNH CHO BỘ ĐỘI BIÊN PHÒNG (CƠ BẢN VÀ NÂNG CAO)** và các chương trình tương tự về bồi dưỡng năng lực tiếng Anh cùng thuộc phạm vi Đề tài.

CHƯƠNG TRÌNH bao gồm các hợp phần cơ bản sau: Giới thiệu tổng quan về chương trình, quan điểm xây dựng chương trình, mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể, chuẩn đầu ra cần đạt, nội dung kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ, phương pháp và các hình thức dạy - học, kiểm tra đánh giá, giải thích triển khai thực hiện và tài liệu tham khảo chính.

Tổng thời lượng của CHƯƠNG TRÌNH là 135 tiết. Trong đó thời gian giảng dạy trên lớp là 105 tiết, thời gian thực hành tại đơn vị có sự hỗ trợ của trợ giảng là 30 tiết. Ngoài ra học viên còn phải dành thời gian hoàn thành các bài tập bắt buộc và tự chọn trong CHƯƠNG TRÌNH.

Tổng thời lượng của CHƯƠNG TRÌNH là 135 tiết. Trong đó thời gian giảng dạy trên lớp là 93 tiết, gồm Bài mở đầu và 10 bài học theo các chủ đề, chủ điểm; thời gian thực hành tại đơn vị là 9 tiết, gồm 3 bài ôn tập, kiểm tra thường xuyên và kiểm tra giữa kì; thời gian học trực tuyến là 30 tiết song song với các bài học trên lớp và bài thực hành tại đơn vị. Ngoài ra học viên còn phải dành thời gian tự học là 210 tiết nhằm hoàn thành các bài tập bắt buộc và tự chọn trong CHƯƠNG TRÌNH.

II. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH

CHƯƠNG TRÌNH được xây dựng theo các quan điểm sau:

1. **CHƯƠNG TRÌNH** thiết kế dựa trên nền tảng các kết quả nghiên cứu về giáo dục học, tâm lý học và phương pháp dạy học ngoại ngữ hiện đại; kinh nghiệm xây dựng chương trình môn Ngoại ngữ chuyên ngành của Việt Nam và quốc tế; nhu cầu và điều kiện thực tiễn công tác của cán bộ Hải quan.

2. Đảm bảo hình thành và phát triển năng lực giao tiếp tổng hợp bằng tiếng Trung Quốc cho học viên. Rèn luyện các kỹ năng giao tiếp nghe, nói, đọc, viết thông qua việc vận dụng các kiến thức ngữ âm, chữ viết, từ vựng và ngữ pháp.
3. Đảm bảo chương trình được xây dựng trên cơ sở hệ thống chủ điểm và chủ đề. Một chủ điểm bao gồm nhiều chủ đề. Các chủ điểm và chủ đề có mối liên quan chặt chẽ với nhau, phù hợp với nhu cầu công tác thực tế của cán bộ Hải quan các tỉnh Tây Bắc và môi trường làm việc của học viên. Hệ thống chủ điểm và chủ đề được lặp lại, mở rộng và phát triển qua các bài học.
4. Đảm bảo coi học viên là chủ thể của quá trình dạy học, giáo viên là người tổ chức, hướng dẫn. Học viên cần được tham gia tích cực vào các hoạt động nghe, nói, đọc, viết bằng tiếng Trung Quốc trong các tình huống giao tiếp với các chủ điểm và chủ đề trong CHƯƠNG TRÌNH phù hợp với thực tiễn công tác.
5. Đảm bảo tính liên thông và tiếp nối giữa các bài trong CHƯƠNG TRÌNH và giữa bậc cơ bản và nâng cao; đảm bảo tích hợp giữa các chủ điểm và chủ đề, tích hợp 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.
6. Đảm bảo tính linh hoạt, mềm dẻo của CHƯƠNG TRÌNH nhằm đáp ứng nhu cầu và phù hợp với từng điều kiện dạy - học tiếng Trung Quốc của từng đơn vị, từng địa phương.
7. Đảm bảo sau khi học xong CHƯƠNG TRÌNH, học viên đạt trình độ tiếng Trung Quốc bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, đáp ứng được nhu cầu công tác ở mức cơ bản.
8. CHƯƠNG TRÌNH có thể được điều chỉnh tối đa 20% sau mỗi đợt bồi dưỡng tùy theo tình hình thực tế dạy – học.

III. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH

III.1. Mục tiêu chung

Chương trình cung cấp cho học viên kiến thức, kỹ năng ngôn ngữ cơ bản ở trình độ trung cấp, giúp học viên bước đầu có khả năng giao tiếp bằng tiếng Trung Quốc một cách tương đối độc lập ở những tình huống giao tiếp cơ bản khi tiếp xúc với người nước

ngoài trong quá trình công tác, tạo hứng thú và sự tự tin tiếp tục học tập tiếng Trung Quốc ở trình độ cao hơn.

III.2. Mục tiêu cụ thể

Sử dụng tiếng Trung Quốc để giao tiếp và biểu đạt được những suy nghĩ của bản thân về các chủ điểm “Thông tin cá nhân”, “Hoạt động ở cửa khẩu”, “Hàng hoá thông quan”, “Vi phạm hải quan” và “Đối ngoại trong Hải quan” thông qua 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.

Có kiến thức sơ cấp về tiếng Trung Quốc, bao gồm ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và chữ Hán; có những hiểu biết nhất định về chuyên ngành Hải quan.

Có thái độ tích cực, chủ động trong việc học tập.

Hình thành và sử dụng các phương pháp học tập khác nhau để phát triển năng lực giao tiếp và tích lũy tri thức ngôn ngữ, phục vụ cho nhu cầu công việc.

IV. CHUẨN ĐẦU RA CẦN ĐẠT

Kết thúc chương trình, học viên sẽ đạt được trình độ B2 (tương đương với bậc 4 trong Khung Năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam). Cụ thể là: Hiểu và sử dụng tương đối tốt các cấu trúc câu, các từ ngữ cơ bản trong ngành Hải quan; có thể hỏi, nghe hiểu, giao tiếp với người khác để phục vụ cho công việc; có thể giao tiếp đơn giản với khách hàng trong công tác Hải quan hàng ngày.

IV.1. Chuẩn kiến thức ngôn ngữ

Ngữ âm	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nắm được cách phát âm trọng âm từ, trọng âm câu. 2. Nắm được cách ngắt từ, ngắt câu 3. Nói đúng ngữ điệu của câu trần thuật, câu nghi vấn, câu cảm thán. 4. Nắm được cách thức thể hiện ngữ điệu của câu phản vấn, câu cầu khiến, sử dụng phục vụ cho công tác Hải quan. 5. Nắm được cách thức thể hiện nghi vấn thông qua ngữ điệu. 6. Nhận rõ được những ảnh hưởng của việc phát âm sai hoặc sử dụng không đúng ngữ điệu đến công việc Hải quan hàng ngày.
Chữ Hán	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nắm được hàm ý văn hoá trong một số chữ Hán tiêu biểu. 2. Nhận rõ được những ảnh hưởng của việc viết sai chữ Hán đối với kết

	quả đọc hiểu văn bản.
Từ vựng	Nắm được nghĩa và cách dùng của khoảng 800 từ thuộc các chủ đề đã học liên quan đến công tác Hải quan
Ngữ pháp	Nắm được các mẫu câu cơ bản, cấu trúc câu đặc biệt và các hiện tượng ngữ pháp thường dùng trong tiếng Trung Quốc gắn với các công việc hàng ngày của ngành Hải quan.

IV.2. Chuẩn kỹ năng ngôn ngữ

Nghe	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nghe hiểu được những từ, cụm từ, câu thuộc những lĩnh vực cơ bản có nội dung liên quan trực tiếp đến bản thân. 2. Nghe hiểu được những nội dung nhằm đáp ứng nhu cầu thông tin cơ bản của bản thân với tốc độ nói vừa phải, phát âm chuẩn xác rõ ràng. 3. Nghe hiểu chủ đề và nội dung chính những cuộc nói chuyện khi người nói phát âm rõ ràng, chuẩn xác với tốc độ chậm. 4. Nghe hiểu nội dung chủ yếu của thông tin ngắn gọn, rõ ràng, đơn giản; những chỉ dẫn đơn giản ở nơi công cộng. 5. Nghe hiểu đoạn ghi âm đơn giản, tốc độ chậm, phát âm rõ ràng, chuẩn xác và nắm được những thông tin chính về những chủ đề quen thuộc.
Nói	<ol style="list-style-type: none"> 1. Phát âm rõ ràng, tương đối chính xác nhóm từ, cách diễn đạt và câu ngắn, ngữ điệu phù hợp. 2. Có thể dùng từ, cụm từ, câu đơn giản để giới thiệu về người, sự vật, điều kiện sinh sống, hoạt động thường ngày của bản thân. 3. Có thể kể một câu chuyện, sự việc đơn giản; miêu tả đơn giản về các sự vật, hiện tượng, sự việc, kế hoạch, thói quen và kinh nghiệm bản thân. 4. Biết so sánh các sự vật, hiện tượng; nêu được lý do thích hay không thích đồ vật hay người nào đó. 5. Có thể trình bày ngắn gọn thông tin đã được chuẩn bị trước về một chủ đề quen thuộc thường ngày, trình bày được lý do và lý giải một cách ngắn gọn cho những ý kiến, quan điểm, kế hoạch và hành động của bản thân. 6. Có thể giao tiếp trong những tình huống thường gặp hằng ngày, về những vấn đề đơn giản, trao đổi thông tin đơn giản và trực tiếp về những vấn đề

	<p>quen thuộc liên quan tới bản thân, gia đình, trường lớp và cuộc sống hằng ngày nhưng chưa thể duy trì hội thoại theo cách riêng của mình.</p>
Đọc	<ol style="list-style-type: none"> 1. Đọc hiểu được những từ, cụm từ, câu, văn bản đơn giản liên quan đến học tập, sinh hoạt thường ngày của bản thân. 2. Đọc hiểu được nội dung chính của một số loại văn bản quy phạm thường gặp trong đời sống hằng ngày. 3. Đọc hiểu và tìm được thông tin thông dụng cần thiết trong các tài liệu như bản thuyết minh hướng dẫn, thực đơn, quảng cáo, phiếu thanh toán,... 4. Sử dụng được các sách công cụ như sổ tay tra cứu, từ điển để hỗ trợ việc đọc hiểu.
Viết	<ol style="list-style-type: none"> 1. Viết được những từ, cụm từ hoặc những câu đơn giản, những câu ghép sử dụng các từ nối đơn giản. 2. Viết được những cụm từ và tổ hợp câu để miêu tả các lĩnh vực của đời sống hằng ngày. 3. Viết được những đoạn văn đơn giản miêu tả các sự việc, hoạt động của bản thân hoặc gia đình. 4. Viết tóm tắt được nội dung chính của bài văn hoặc câu chuyện ngắn thuộc chủ đề đã học, bước đầu biết sử dụng các phương thức liên kết văn bản. 5. Viết được bài phát biểu ngắn, hoàn chỉnh về chủ đề quen thuộc.

V. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

Trình độ NÂNG CAO

Chủ điểm	Chủ đề	Nội dung		Hình thức tổ chức môn học theo tiết		
		Kĩ năng ngôn ngữ	Kiến thức ngôn ngữ	Thực tiếp	Thực tuyến	Tự học
Bài mở đầu				3	2	6
Thông tin cá nhân	Bài 1: Giới thiệu đơn vị công tác hiện tại	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu công việc hiện tại - Đơn vị công tác hiện nay (quy mô, số lượng v.v...) 	<ul style="list-style-type: none"> - Ngữ điệu, ngừng ngắt trong câu - Kết cấu chữ hợp thể - Hàm ý văn hoá của một số chữ Hán - Động từ năng nguyện: “会”、“想”、“要”、“应该”、“可以”、“能” - Phó từ 副词: “最” - Kết cấu “是……的” - Câu động từ mang hai tân ngữ - Câu diễn đạt động tác chuẩn bị tiến hành - Câu so sánh sử dụng “比” - Biểu thị con số ước lượng 	9	2	18
	Bài 2: Giới thiệu về công việc	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyên ngành, quá trình công tác - Quá trình đào tạo của bản thân - Giới thiệu điểm mạnh, yếu của bản thân. 	<ul style="list-style-type: none"> - Ngữ điệu, ngừng ngắt trong câu - Kết cấu chữ hợp thể - Hàm ý văn hoá của một số chữ Hán - Phó từ 副词: “才”、“就” - Liên từ 连词: 一边……一边…… - Trợ từ động thái “过” - Kết cấu “一……就……” 	9	2	18

Chủ điểm	Chủ đề	Nội dung		Hình thức tổ chức môn học theo tiết		
		Kĩ năng ngôn ngữ	Kiến thức ngôn ngữ	Trực tiếp	Trực tuyến	Tự học
			- Câu liên động chỉ mục đích hành động			
Hỏi quan tại cửa khẩu	Bài 3: Kiểm tra hành lí	- Quy định về hành lí, hàng hoá, tiền tệ - Kiểm tra hành lí của khách. - Yêu cầu khách mở hành lí và tiến hành kiểm tra	- Ngữ điệu câu phản vấn, câu cầu khiến - Ngữ điệu dùng để biểu thị nghi vấn - Hàm ý văn hoá của chữ Hán - Kết cấu “不论……都……”, “因为……所以……” - Câu biểu thị sự tồn tại “有”	9	2	18
	Bài 4: Quy định về hành lí	- Vi phạm về việc mang quá số lượng cho phép - Mang hành lí cấm nhập cảnh (như cỗ vật, sách báo...) - Biểu đạt phương thức: Biết diễn đạt các phương thức thực hiện một hoạt động, hành động.	- Ngữ điệu câu phản vấn, câu cầu khiến - Ngữ điệu dùng để biểu thị nghi vấn - Hàm ý văn hoá của chữ Hán - Kết cấu “先……再……然后……最后” nhấn mạnh thứ tự thời gian - Câu chữ “把” (1) - Bỏ ngữ động lượng	9	2	18
Bài ôn tập 1		Ôn tập các kiến thức đã học và chữa bài tập		3	3	6
Hàng hoá thông quan	Bài 5: Quy định về thông quan hàng hoá	- Cách lập hồ sơ thông quan hàng hoá - Khai hồ sơ, nộp thuế và tiến hành thông quan	- Tốc độ và ngừng ngắt trong câu dài - Hàm ý văn hoá của chữ Hán - Từ ngữ chuyên ngành về thông quan. - Câu chữ “把” (2) - Kết cấu “无论如何……, 要不然……” và “从……起”	9	2	18

Chủ điểm	Chủ đề	Nội dung		Hình thức tổ chức môn học theo tiết		
		Kĩ năng ngôn ngữ	Kiến thức ngôn ngữ	Trực tiếp	Trực tuyến	Tự học
	Bài 6: Thông quan hàng hoá luồng đỏ	<ul style="list-style-type: none"> - Quy trình thông quan hàng hoá luồng xanh - Những thủ tục cần thiết để hàng hoá luồng đỏ được thông quan - Hoạt động kiểm hoá 	<ul style="list-style-type: none"> - Tốc độ và ngừng ngắt trong câu dài - Hàm ý văn hoá của chữ Hán - Một số cụm từ cố định thường dùng trong khẩu ngữ - Câu bị động sử dụng “” - Bỏ ngữ số lượng - Cách dùng một số cấu trúc “在……下”; “却”; “凭” 	9	2	18
Xử lí hành vi vi phạm	Bài 7: Trốn thuế	<ul style="list-style-type: none"> - Một số hành vi trốn thuế thường gặp. - Xử lí hành vi trốn thuế - Giải thích: Biết cách lập luận giải thích sự việc. - Lý giải: Biết cách lập luận để lí giải về một vấn đề nào đó. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thuật ngữ hải quan thường dùng - Một số từ ngữ về xử phạt hành vi trốn thuế - Một số cấu trúc/từ “为了”, “按”, “一旦” - Cách nói số lần “倍” 	9	2	18
	Bài 8: Buôn lậu biên giới	<ul style="list-style-type: none"> - Cách thức buôn lậu vùng biên mậu. - Chống buôn lậu - Xử lí hàng hoá, hành vi buôn lậu - So sánh để chứng minh: Biết thông qua so sánh để chứng minh một sự vật, sự việc nào đó. 	<ul style="list-style-type: none"> - Câu biểu thị cảm thán - Một số cụm từ cố định thường dùng để chỉ buôn lậu - Từ nối thường dùng trong diễn đạt - Từ chỉ nguyên nhân và kết quả “之所以……是因为……” - Trợ từ kết cấu “地” 	9	2	18
Bài ôn tập 2 và kiểm tra giữa kì		Ôn tập các kiến thức đã học, chữa bài tập và kiểm tra vấn đáp		3	3	6
Đối	Bài 9: Hợp	- Thuyết minh lí do: Biết trình bày lí do chi	- Từ ngữ biểu suy nghĩ cá nhân	9	2	18

Chủ điểm	Chủ đề	Nội dung		Hình thức tổ chức môn học theo tiết		
		Kĩ năng ngôn ngữ	Kiến thức ngôn ngữ	Trực tiếp	Trực tuyến	Tự học
ngoại trong Hải quan	tác phát triển ngành Hải quan hai nước Việt Trung	tiết dẫn đến dẫn đến một sự việc nào đó. - So sánh để chứng minh: Biết thông qua so sánh để chứng minh một sự vật, sự việc nào đó.	- Một số cụm từ cố định thường dùng - Một số từ/cấu trúc thường dùng: “关于”, “按照”, “在……基础上”, “以”, “以……为……”, “是……之一”			
	Bài 10: Giao lưu Hải quan hai nước Việt Trung	- Thương lượng: Biết cách trao đổi, thương lượng để đi đến thống nhất về một vấn đề nào đó. - Thuyết phục người khác: Biết đưa ra lý lẽ để thuyết phục người khác đồng ý, nghe theo ý kiến của mình	- Một số cụm từ cố định thường dùng -	9	2	18
Bài ôn tập 3		Ôn tập các kiến thức đã học, giải đáp thắc mắc		3	2	12
Kiểm tra cuối khoá		Kiểm tra viết và vấn đáp		3	0	
Tổng thời lượng (số tiết)				105	30	210

VI. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

Phương pháp chủ đạo trong CHƯƠNG TRÌNH là đường hướng dạy ngôn ngữ giao tiếp (*Communicative Language Teaching*). Giáo viên giữ vai trò tổ chức, hướng dẫn quá trình học tập của học viên. Học viên là chủ thể năng động của hoạt động học. Hoạt động học là trung tâm của quá trình dạy học (*learning-centered approach*).

1. Vai trò của giáo viên

Giáo viên là người tổ chức, hướng dẫn hoạt động dạy học. Giáo viên cần hiểu rõ đặc điểm tâm lí và năng lực của người học trong quá trình tham gia vào các hoạt động học tập. Giáo viên cần có sự hiểu biết về đặc điểm của địa phương, đặc trưng của vùng/miền để áp dụng các phương pháp dạy học phù hợp.

Giáo viên coi học viên là những chủ thể tích cực tham gia vào quá trình học tập. Giáo viên tạo cơ hội và dành thời gian cho học viên sử dụng ngôn ngữ trong các ngữ cảnh, tình huống thiết thực với cuộc sống và công việc hàng ngày của học viên. Giáo viên khuyến khích học viên vận dụng kiến thức ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp) trong các hoạt động giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết) liên quan đến công việc của học viên.

Giáo viên sử dụng phối hợp các phương pháp dạy học giao tiếp ngôn ngữ phù hợp với đối tượng học viên và điều kiện học tập ở địa phương. Thông qua các phương pháp dạy học, giáo viên giúp học viên hình thành và phát triển phương pháp học tiếng Trung Quốc hiệu quả để tiếp tục tự học, tự nghiên cứu.

Giáo viên sử dụng các đồ dùng, thiết bị dạy học hiện đại, hướng dẫn học viên sử dụng tài liệu và phương tiện học tập như sách giáo khoa, tài liệu tham khảo, học liệu điện tử, đồ dùng, thiết bị nghe nhìn, thiết bị điện tử, ICT, mạng Internet, ... trong quá trình học để nâng cao hiệu quả dạy học. Giáo viên sử dụng tiếng Trung Quốc trong quá trình dạy học trên lớp để học viên làm quen với môi trường tiếng và tạo cơ hội tối đa để học viên sử dụng tiếng Trung Quốc trong và ngoài lớp học.

2. Vai trò của học viên

Học viên là chủ thể tham gia tích cực, chủ động, sáng tạo vào quá trình dạy học. Trên cơ sở nắm bắt kiến thức ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp), học viên tham gia rèn luyện kết hợp các kĩ năng giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết) trên nền ngữ cảnh và tình

huống giao tiếp trong môi trường công tác của ngành Hải quan. Mức độ hình thành các kĩ năng giao tiếp thể hiện thông qua:

- Kĩ năng giao tiếp ngôn bản (nghe, nói), trong đó khả năng tương tác trong môi trường làm việc của ngành là trọng tâm.
- Kĩ năng giao tiếp văn bản (đọc, viết), trong đó khả năng đọc hiểu, tóm lược thông tin, hoàn thành một số biểu mẫu, văn bản cơ bản thuộc ngành là quan trọng.
- Tăng cường kĩ năng hợp tác nhóm và khả năng sáng tạo, tự nghiên cứu.

Trong quá trình học tập, học viên nắm bắt các phương pháp học tiếng Trung Quốc, biết cách sử dụng tài liệu học tập như sách giáo khoa, học liệu điện tử, đồ dùng học tập, thiết bị điện tử, ICT, mạng Internet, ... để nâng cao hiệu quả học tập. Học viên từng bước định hướng học tập và làm việc độc lập, tăng cường khả năng đánh giá và tự đánh giá để không ngừng củng cố và phát triển kiến thức, nâng cao năng lực công tác.

3. Hoạt động học

Hoạt động học là trung tâm của quá trình dạy học. Trên cơ sở xác định mục tiêu dạy học, nội dung dạy học, các phương pháp, qui trình dạy học và đánh giá năng lực giao tiếp tiếng Trung Quốc được lựa chọn và triển khai phù hợp cho đối tượng học viên là cán bộ ngành Hải quan. Hoạt động học được thực hiện thông qua hoạt động giao tiếp (*Activity-based learning*), nhiệm vụ giao tiếp (*Task-based learning*) và học tập theo dự án (*Project-based learning*).

Hoạt động được tổ chức thông qua việc tái hiện ngữ cảnh giao tiếp tại nơi làm việc của học viên với các hoạt động tương tác, các hình thức hoạt động cá nhân, theo cặp/nhóm và cả lớp. Hoạt động học được tiến hành trên cơ sở quá trình tương tác giáo viên - học viên, học viên – học viên, học viên - sách giáo khoa và các nguồn học liệu khác (bao gồm cả học liệu điện tử), thông qua các chủ điểm, chủ đề, nhiệm vụ, tình huống giao tiếp đa dạng về nội dung và hình thức. Các hoạt động giao tiếp kể trên đều tính đến năng lực học tập, khả năng triển khai công việc của đối tượng học viên có kinh nghiệm sống và có nền tảng học vấn như cán bộ của ngành Hải quan. Do đó, các hoạt động hoạt động học theo nhiệm vụ, dự án và tự học được chú trọng.

VII. KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

VII.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn học

Hình thức	Mục đích kiểm tra	Trọng số	Điểm
<i>Đánh giá thường xuyên</i>			
Bài kiểm tra tiến bộ số 1	Đánh giá mức độ tiến bộ của học viên ở các kỹ năng Đọc, Viết và Ngữ pháp-Từ vựng - Ngữ âm	20%	
Bài kiểm tra tiến bộ số 2	Đánh giá mức độ tiến bộ của học viên ở các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết và Ngữ pháp-Từ vựng - Ngữ âm, Nói	30%	
<i>Đánh giá kết thúc học phần</i>			
Bài thi kết thúc	Đánh giá, xác định học viên đạt được nội dung và kiến thức theo mục tiêu chương trình	50%	

VII.2. Dạng thức đề thi

1. Bài kiểm tra tiến bộ số 1 + 2

- Hình thức: Nói
- Thang điểm đánh giá thể hiện trong bài kiểm tra.
- Bài kiểm tra viết kéo dài 10 phút.

Phần	Dạng bài	Nội dung	Thời gian
I	NGỮ ÂM-CHỮ HÁN	- Đọc một đoạn hội thoại liên quan đến các tình huống đã học. - Yêu cầu: Phát âm đúng, đọc đúng ngữ điệu câu hỏi, câu trả lời, đọc lưu loát.	2 phút
II	TỪ VỰNG-NGỮ PHÁP	- Dùng từ, ngữ, cấu trúc ngữ pháp cho trước đặt câu theo ngữ cảnh thực thi công vụ. - Yêu cầu: Đặt câu đúng ngữ pháp, ngữ nghĩa, ngữ cảnh	2 phút
III	KĨ NĂNG NGHE, NÓI, ĐỌC, VIẾT	- Đọc hiểu và trả lời câu hỏi theo nội dung bài đọc. - Nghe và trả lời vấn đáp các tình huống như trong thực thi công vụ được giáo viên nêu tại chỗ. - Nộp vở ghi hoặc vở bài tập theo yêu cầu trước 01 ngày để giáo viên đánh giá.	4 phút
Tổng thời gian			10 phút

3. Bài kiểm tra cuối khóa học

- Hình thức: viết, nói
- Bài kiểm tra viết kéo dài 120 phút; bài kiểm tra Nói kéo dài 5-7 phút
- Dạng thức đề thi như sau:

Môn thi, Thời gian	Định dạng bài thi	Mục đích
1. Nghe ≈ 25 phút	<ul style="list-style-type: none"> - Chọn phương án trả lời đúng - 25 câu/3 phần - <i>Phần 1:</i> Nghe hội thoại ngắn - <i>Phần 2:</i> Nghe hội thoại có độ dài vừa phải - <i>Phần 3:</i> Nghe bài nói chuyện dài có tốc độ chậm rãi 	Đánh giá khả năng nghe hiểu ngôn ngữ đích và nắm bắt được thông tin theo yêu cầu trong đề
2. Từ vựng-Ngữ pháp 25 phút	<ul style="list-style-type: none"> - Chọn phương án trả lời đúng - 40 câu/2 phần - <i>Phần 1:</i> Tìm lỗi sai trong câu - <i>Phần 2:</i> Chọn từ đúng để hoàn thành câu 	Đánh giá các kỹ năng nhận biết câu đúng của ngôn ngữ đích. Kiểm tra khả năng sử dụng từ và cấu trúc ngữ pháp phù hợp trong tình huống của ngôn ngữ đích.
3. Đọc 30 phút	<ul style="list-style-type: none"> - Chọn phương án trả lời đúng - 30 câu/3 đọc - Các bài đọc có các chủ đề khác nhau - Mỗi bài đọc có độ dài từ 200-250 từ 	Đánh giá kỹ năng đọc hiểu ngôn ngữ đích và nắm bắt các thông tin theo yêu cầu của đề thi.
4. Viết 40 phút	<ul style="list-style-type: none"> - Viết 2 bài - <i>Bài 1:</i> Viết lại câu/ sắp xếp các từ/cụm từ thành câu/ chọn câu tương đương. - <i>Bài 2:</i> Viết văn bản ngắn. 	Đánh giá khả năng viết ở cấp độ câu và văn bản theo chủ đề yêu cầu.

<p>5. Nói 5-7 phút</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phỏng vấn trực tiếp không có chuẩn bị trước - <i>Phần 1:</i> Chào hỏi và giới thiệu bản thân - <i>Phần 2:</i> Giao tiếp theo tình huống 	<p>Đánh giá khả năng diễn đạt ngôn ngữ đích của thí sinh thông qua giao tiếp trực tiếp với giám khảo, giao tiếp theo tình huống.</p>
-----------------------------------	---	--

VII.3. Lịch thi, kiểm tra

TT	Hình thức kiểm tra, đánh giá	Thời gian	Ghi chú
1	Bài kiểm tra tiến bộ số 1	Sau nội dung 3	
2	Bài kiểm tra tiến bộ số 2	Sau nội dung 6	
3	Bài kiểm tra cuối khóa học	Từ 1 - 2 tuần sau khi kết thúc khóa học	

VIII. GIẢI THÍCH VỀ VIỆC TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH

Xuất phát từ đặc điểm về đối tượng học, mục tiêu, nội dung học tập, việc triển khai CHƯƠNG TRÌNH cần được tiến hành trên các phương diện sau:

1. Giáo viên

- Số lượng giáo viên được bố trí phù hợp để giảng dạy toàn bộ chương trình đề ra. Giáo viên phải đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ tiếng Trung Quốc theo qui định của Bộ giáo dục, có nghiệp vụ sư phạm phù hợp với đối tượng cần giảng dạy.
- Giáo viên phải được tập huấn đầy đủ để triển khai Chương trình. Đối với giáo viên đã đạt chuẩn nghiệp vụ, công tác bồi dưỡng giáo viên cần được tổ chức thường xuyên để thực hiện đúng mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học do chương trình qui định. Giáo viên cần được tập huấn về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và sử dụng các trang thiết bị hiện đại trong dạy học.
- Phát triển đội ngũ giáo viên đáp ứng nhu cầu giảng dạy. Thường xuyên bồi dưỡng và hỗ trợ giáo viên trong công tác giảng dạy, kiểm tra-đánh giá thường xuyên, định kì theo định dạng chung, qua đó đánh giá năng lực tiếng Trung Quốc của học viên có đáp ứng được yêu cầu công việc thực tế hay không.

2. Cơ sở vật chất

- Đảm bảo đầy đủ sách giáo khoa (sách học viên, sách giáo viên, tài liệu tham khảo)

cho giáo viên và học viên.

- Đảm bảo đủ trang thiết bị tối thiểu hỗ trợ việc dạy học tiếng Trung Quốc (thiết bị nghe nhìn, bảng tương tác, học liệu điện tử, máy tính cá nhân, hệ thống mạng điện tử, ...).
- Đảm bảo đầy đủ thời lượng học tập cho học viên theo chương trình.

3. Quản lí chỉ đạo

- Đảm bảo đủ thời lượng dạy học trên lớp và thực hành có hướng dẫn. CHƯƠNG TRÌNH được thiết kế theo kế hoạch dạy học với thời lượng 135 tiết, trong đó 90 tiết học trên lớp và 45 tiết thực hành (bao gồm cả số tiết ôn tập và kiểm tra, đánh giá).
- Xây dựng đội ngũ chuyên viên quản lí, tổ chức thực hiện CHƯƠNG TRÌNH nhằm đảm bảo khả năng hỗ trợ tốt cho đội ngũ giáo viên trong quá trình dạy học.
- Số lượng học viên cho một lớp học không vượt quá quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và nắm được nghiệp vụ căn bản của ngành Hải quan.
- Tổ chức tập huấn giáo viên về tích hợp ứng dụng công nghệ thông tin vào việc dạy học ngoại ngữ, giúp giáo viên phát triển, chia sẻ, khai thác tài liệu điện tử trong việc dạy và học tiếng Trung Quốc.

4. Môi trường học tập

Tạo môi trường học tập đa dạng, phong phú để học viên có thể tham gia vào các hoạt động giao tiếp tiếng Trung Quốc có ý nghĩa trên mọi hình thức tổ chức môn học. Cụ thể là:

- Hình thức dạy học trực tiếp: Tại lớp học, giáo viên cùng học viên tạo các tình huống giao tiếp như môi trường công tác thật, học viên phân vai giao tiếp nhằm luyện tập các kĩ năng ngôn ngữ theo nội dung bài học. Giáo viên có thể nhập một trong các vai giao tiếp để làm mẫu hướng dẫn học viên.
- Hình thức dạy học trực tuyến: Với sự hỗ trợ của các phương tiện nghe nhìn, điện thoại thông minh, học viên có thể tự tải về nội dung bài học để luyện nghe, luyện nói, luyện đọc lại chính các nội dung bài học trực tiếp. Đồng thời học viên có thể lập nhóm giao lưu luyện tập kĩ năng giao tiếp quanh nội dung bài học. Giáo viên cũng là thành viên của nhóm giao lưu để theo dõi, đánh giá và kịp thời chỉnh sửa cho học viên khi cần thiết hoặc giải đáp các thắc mắc của học viên.

- Hình thức tự học: Học viên có thể tự học cá nhân hoặc trực tiếp quan sát đồng nghiệp có trình độ tiếng Trung Quốc tốt hơn mình tại nơi thực thi công vụ. Trong điều kiện cụ thể có thể thực hành giao tiếp khi chính bản thân thực thi công vụ. Trong quá trình quan sát hoặc thực hành giao tiếp, học viên cần ghi chép lại những nội dung, câu hỏi cần trao đổi thảo luận với đồng nghiệp và giáo viên.

IX. TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

- [1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), *Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam*.
- [2]. Các chương trình tiếng Trung Quốc trình độ A2, B1, B2
- [3]. Các tài liệu giảng dạy tiếng Trung Quốc trình độ A2, B1, B2
- [4]. American Language Course. Defense Language Institute – English Language Center.
- [5]. Oxeden, C. & Latham-Koenig, C. (2012). *New English File Elementary Student's Book*. OUP.
- [6]. Websites: <http://policeacademy.gov.ge/frontex/basic/Home/Home.html>
- [7]. Các tài liệu đã và đang giảng dạy thực hành tiếng Trung Quốc mọi cấp độ cho Hải quan ở địa phương và ở các trường đào tạo (bao gồm cả các tài liệu tự học như sổ từ, các mẫu câu cơ bản, các tình huống giao tiếp cơ bản, nâng cao...)
- [8]. Các tài liệu về yêu cầu cụ thể của Hải quan sau khảo sát thực tế.